

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---000---

Ngày 20 tháng 7 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An  
Mã chứng khoán: TAC  
Địa chỉ trụ sở chính: 48/5 Phan Huy Ích – Phường 15 – Quận Tân Bình – TPHCM  
Điện thoại: (08) 38 153 972  
Fax: (08) 38 153 649  
Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Đức Thịnh  
Địa chỉ:  
Điện thoại di động:  
Điện thoại cơ quan:  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

- Công bố Báo cáo tài chính Quý 2/2017

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/7/2017 tại đường dẫn [www.tuongan.com.vn](http://www.tuongan.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BTC



**NGUYỄN THỊ HẠNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý II n m 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.160.086.388.191</b>	<b>1.035.437.560.726</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>321.973.732.480</b>	<b>349.902.332.846</b>
1. Tiền	111		56.973.732.480	28.902.332.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000.000	321.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>150.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	150.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>166.198.968.858</b>	<b>116.293.525.685</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	162.034.815.888	114.601.389.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	883.958.989	444.767.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.a	3.280.193.981	1.247.368.763
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>505.479.636.701</b>	<b>541.756.313.649</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	508.138.689.948	542.987.697.684
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(2.659.053.247)	(1.231.384.035)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.434.050.152</b>	<b>27.485.388.546</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7a	2.036.287.599	1.486.777.344
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.375.099.751	25.722.396.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	22.662.802	276.215.052
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>139.634.567.097</b>	<b>158.445.081.120</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.674.414.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.b	1.674.414.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>123.343.619.709</b>	<b>138.018.427.809</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	113.081.634.909	127.756.443.009
- Nguyên giá	222		499.837.626.593	497.093.593.119
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(386.755.991.684)	(369.337.150.110)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	10.261.984.800	10.261.984.800
- Nguyên giá	228		14.191.924.331	14.191.924.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.929.939.531)	(3.929.939.531)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.164.153.053</b>	<b>1.952.447.591</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.164.153.053	1.952.447.591
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.452.380.335</b>	<b>18.474.205.720</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	9.685.781.070	8.945.168.260
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	3.766.599.265	9.529.037.460
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.299.720.955.288</b>	<b>1.193.882.641.846</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>820.361.158.103</b>	<b>707.487.802.152</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>803.422.105.964</b>	<b>707.487.802.152</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	277.366.942.696	236.646.310.032
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13.912.922.895	14.816.097.737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.649.762.154	16.289.384.495
4. Phải trả người lao động	314		31.110.869.201	38.382.164.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	65.406.070.385	33.277.358.436
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	84.530.311.590	1.776.818.250
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	313.920.573.326	350.523.774.208
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	12.180.897.222
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6.524.653.717	3.594.997.274
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.939.052.139</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	16.939.052.139	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>479.359.797.185</b>	<b>486.394.839.694</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>479.359.797.185</b>	<b>486.394.839.694</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	322.663.320.000	189.802.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		322.663.320.000	189.802.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	20.310.919.312	127.497.146.427
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	-	18.980.200.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	136.385.557.873	150.115.493.267
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.865.716.179	83.166.564.416
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		50.519.841.694	66.948.928.851
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.299.720.955.288</b>	<b>1.193.882.641.846</b>



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 năm 2017

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	1.021.212.114.181	906.283.147.478	2.018.205.254.713	1.885.175.345.041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.876.374.701	585.278.122	44.924.180.025	1.254.017.495
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		998.335.739.480	905.697.869.356	1.973.281.074.688	1.883.921.327.546
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	894.270.544.921	832.660.932.021	1.758.712.264.830	1.712.932.748.286
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.065.194.559	73.036.937.335	214.568.809.858	170.988.579.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.605.513.834	9.278.406.957	8.911.803.032	10.302.026.047
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	3.609.777.146	4.586.276.330	7.147.788.419	8.098.107.146
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.514.290.951	4.441.927.842	7.051.414.999	7.834.024.397
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	75.026.982.434	44.340.612.981	136.947.971.360	102.672.042.996
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	7.088.250.185	12.601.352.467	17.348.444.207	24.247.842.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.945.698.628	20.787.102.514	62.036.408.904	46.272.612.789
11. Thu nhập khác	31	VI.8	629.105.843	456.655.671	1.274.929.178	887.673.895
12. Chi phí khác	32	VI.9	6.339.284	66.500	6.339.284	66.500
13. Lợi nhuận khác	40		622.766.559	456.589.171	1.268.589.894	887.607.395
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.568.465.187	21.243.691.685	63.304.998.798	47.160.220.184
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	51	VI.10	4.520.687.924	4.149.732.125	7.022.718.909	9.333.037.824
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	301.457.959	59.410.229	5.762.438.195	59.410.229
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.746.319.304	17.034.549.331	50.519.841.694	37.767.772.131
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	581	897	1.566	1.835

TP. HCM, ngày 19 tháng 7 năm 2017


Nguyễn Phương Thảo  
Người lập

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởngHà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

Mẫu số B03a-DN

Ban hành theo

TT 200/2014/TT-BTC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63.304.998.798	47.160.220.184
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.8	17.544.992.174	17.544.832.138
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 18	6.185.824.129	(4.427.750.243)
- Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các KMTT có gốc NT	04	V1.4	(2.583.075)	3.534.424
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.660.516.923)	(8.643.177.777)
- Chi phí lãi vay	06	V1.5	7.051.414.999	7.834.024.397
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85.424.130.102	59.471.683.123
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38.852.249.224)	(40.524.340.621)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		34.849.007.736	47.576.671.670
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		94.743.707.754	(109.992.696.609)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.290.123.065)	897.636.870
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.078.092.174)	(7.792.045.424)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(13.977.829.590)	(9.696.460.024)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(417.790.000)	(4.929.848.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>153.400.761.539</b>	<b>(64.989.399.106)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.677.086.021)	(5.417.417.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(150.000.000.000)	(131.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	235.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.840.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.948.341.923	7.121.405.555
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(144.728.744.098)</b>	<b>109.543.988.081</b>



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	788.339.320.850	1.206.966.235.054
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(824.942.521.732)	(1.135.953.887.356)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	-	(22.778.532.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(36.603.200.882)</b>	<b>48.233.815.698</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(27.931.183.441)</b>	<b>92.788.404.673</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>349.902.332.846</b>	<b>63.853.705.232</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	V1.4	2.583.075	(3.534.424)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>321.973.732.480</b>	<b>156.638.575.481</b>

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



*Hà Bình Sơn*  
Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng,...

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An - Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh miền Bắc tại Hưng Yên - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Văn phòng đại diện tại TP. Hà Nội	Tầng 10 Toà nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Lầu 10, Tòa nhà Empress Tower, số 138-142 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

dùng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Việc lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (20 năm).

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức được chia*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### 23. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	586.015.382	410.032.641
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.387.717.098	28.492.300.205
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	265.000.000.000	321.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>321.973.732.480</u></b>	<b><u>349.902.332.846</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Trong kỳ Công ty đã mua 150.000 trái phiếu không chuyển đổi không có tài sản đảm bảo của Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt kỳ hạn 12 tháng với tổng mệnh giá 150.000.000.000 đồng

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>5.700.955.800</i></b>	<b><i>5.544.795.740</i></b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	18.216.000	4.611.314.840
Công ty TNHH TM&DV Kido	101.376.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido	5.581.363.800	933.480.900
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>156.333.860.088</i></b>	<b><i>109.056.593.932</i></b>
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	16.393.025.550	16.764.033.000
Công ty Cổ phần Uniben	-	13.064.537.300
Công ty cổ phần sữa Việt Nam	68.288.049.610	-
Các khách hàng khác	71.652.784.928	79.228.023.632
<b>Cộng</b>	<b><u>162.034.815.888</u></b>	<b><u>114.601.389.672</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TM Dịch vụ Cơ khí Huỳnh Bằng	-	222.455.250
Trả trước cho người bán khác	883.958.989	222.312.000
<b>Cộng</b>	<b><u>883.958.989</u></b>	<b><u>444.767.250</u></b>

**5. Phải thu khác****5.a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.225.800.000	-	513.625.000	-
Lãi trái phiếu dự thu	355.555.555	-	-	-
Phải thu các khoản BH bắt buộc	961.499.208	-	-	-
Phải thu các khoản BH rủi ro	288.491.218	-	-	-
Tạm ứng	12.600.000	-	3.000.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho	436.248.000	-	436.248.000	-
Phải thu khác	-	-	294.495.763	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.280.193.981</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.247.368.763</u></b>	<b><u>-</u></b>

**5.b. Dài hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	1.674.414.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.674.414.000</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	44.388.820.832	-	5.667.859.791	-
Nguyên liệu, vật liệu	331.881.976.637	(1.865.245.693)	361.159.099.949	-
Công cụ, dụng cụ	604.997.637	-	675.430.775	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.226.723.033	(349.127.370)	49.445.059.020	-
Thành phẩm	80.765.276.151	(444.680.184)	124.077.325.310	(1.231.384.035)
Hàng hóa	1.270.895.658	-	1.962.922.839	-
<b>Cộng</b>	<b>508.138.689.948</b>	<b>(2.659.053.247)</b>	<b>542.987.697.684</b>	<b>(1.231.384.035)</b>

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.243.058.107	1.145.172.785
Tiền thuê đất	8.442.722.963	7.799.995.475
<b>Cộng</b>	<b>9.685.781.070</b>	<b>8.945.168.260</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	177.590.146.112	306.995.674.345	9.895.632.136	2.612.140.526	497.093.593.119
Tăng do mua sắm mới		159.145.000			159.145.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.110.460.964	1.600.578.110			2.711.039.074
Giảm do thanh lý		(126.150.600)			(126.150.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>178.700.607.076</b>	<b>308.629.246.855</b>	<b>9.895.632.136</b>	<b>2.612.140.526</b>	<b>499.837.626.593</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.008.643.421	74.398.092.857	3.542.777.907	1.925.490.161	102.875.004.346
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	112.831.058.278	247.329.004.723	7.027.992.584	2.149.094.525	369.337.150.110
Khấu hao trong kỳ	7.207.087.137	9.734.037.725	504.149.382	99.717.930	17.544.992.174
Giảm do thanh lý		(126.150.600)			(126.150.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>120.038.145.415</b>	<b>256.936.891.848</b>	<b>7.532.141.966</b>	<b>2.248.812.455</b>	<b>386.755.991.684</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	64.759.087.834	59.666.669.622	2.867.639.552	463.046.001	127.756.443.009
Số cuối kỳ	<b>58.662.461.661</b>	<b>51.692.355.007</b>	<b>2.363.490.170</b>	<b>363.328.071</b>	<b>113.081.634.909</b>

Công ty đang thế chấp dây chuyền thiết bị chiết dầu chai 1L; 0,4L; 0,25L và 5L, dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 600 tấn/ngày, dây chuyền phân đoạn 400T/ngày và hệ thống đường dẫn dầu dây chuyền tinh luyện 150 tấn/ngày cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	13.671.924.331	520.000.000	14.191.924.331
Số cuối kỳ	<b>13.671.924.331</b>	<b>520.000.000</b>	<b>14.191.924.331</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
Số cuối kỳ	<b>3.409.939.531</b>	<b>520.000.000</b>	<b>3.929.939.531</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	10.261.984.800	-	10.261.984.800
Số cuối kỳ	<b>10.261.984.800</b>	-	<b>10.261.984.800</b>
<i>Trong đó:</i>			
QSDD không tính khấu hao	10.261.984.800	-	10.261.984.800

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Dây chuyền magnesol	1.605.734.755	74.644.209	(1.680.378.964)		-
Hệ thống PCCC (Vinh)	327.923.636	386.858.774	(714.782.410)		-
Các công trình khác	18.789.200	1.554.232.753	(315.877.700)	(92.991.200)	1.164.153.053
<b>Cộng</b>	<b>1.952.447.591</b>	<b>2.015.735.736</b>	<b>(2.711.039.074)</b>	<b>(92.991.200)</b>	<b>1.164.153.053</b>

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Năm nay
<b>Số đầu năm</b>	<b>9.529.037.460</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	1.155.955.298
Hoàn nhập trong kỳ	(6.918.393.493)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.766.599.265</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>178.220.299.933</i>	<i>176.527.384.534</i>
Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP	177.539.699.810	176.115.513.888
Cty Cổ phần bao bì dầu thực vật	680.600.123	411.870.646
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>99.146.642.763</i>	<i>60.118.925.498</i>
<b>Cộng</b>	<b>277.366.942.696</b>	<b>236.646.310.032</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
VENG SENG	1.625.525.832	-
Khách hàng khác	12.287.397.063	14.816.097.737
<b>Cộng</b>	<b>13.912.922.895</b>	<b>14.816.097.737</b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	17.443.573.886	(11.647.728.660)	5.795.845.226	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	28.919.508.045	(28.919.508.045)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	4.532.392.672	(4.532.392.672)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.475.798.605	-	7.022.718.909	(13.977.829.590)	4.520.687.924	-
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	-	253.552.250	3.889.085.258	(3.458.503.416)	177.029.592	-
Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên	15.738.100	-	82.462.236	(66.736.273)	31.464.063	-
Thuế tài nguyên	56.000	-	280.000	(280.000)	56.000	-
Thuế nhà đất	-	-	23.587.187	(23.587.187)	-	-
Tiền thuê đất	4.797.791.790	-	-	(4.673.056.441)	124.735.349	-
Các loại thuế khác	-	22.662.802	7.000.000	(7.000.000)	-	22.662.802
<b>Cộng</b>	<b>16.289.384.495</b>	<b>276.215.052</b>	<b>61.920.608.193</b>	<b>(67.306.622.284)</b>	<b>10.649.818.154</b>	<b>22.662.802</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

#### Thuế xuất, nhập khẩu

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông áp dụng cho năm tài chính 2017 là 20%.

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	222.599.597	249.276.772
Chi phí bán hàng phải trả	1.885.678.297	
Chi phí tiếp thị quảng cáo	5.739.344.320	-
Hoa hồng, khuyến mại, thưởng	48.987.793.379	32.630.521.145
Vận chuyển hàng bán	6.037.665.007	-
Chi phí khác phải trả	2.532.989.785	397.560.519
<b>Cộng</b>	<b><u>65.406.070.385</u></b>	<b><u>33.277.358.436</u></b>

## 16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm thu tiền cổ phần	27.850.500.000	-
Cổ tức phải trả	54.276.490.760	69.053.000
Kinh phí công đoàn	2.301.822.396	1.657.119.350
Nhận ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	51.498.434	645.900
<b>Cộng</b>	<b><u>84.530.311.590</u></b>	<b><u>1.776.818.250</u></b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## 17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Trong kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	165.571.239.160	165.571.239.160	453.594.601.809	(560.547.136.857)	272.523.774.208	272.523.774.208
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (ii)	148.349.334.166	148.349.334.166	334.744.719.041	(264.395.384.875)	78.000.000.000	78.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>313.920.573.326</u></b>	<b><u>313.920.573.326</u></b>	<b><u>788.339.320.850</u></b>	<b><u>(824.942.521.732)</u></b>	<b><u>350.523.774.208</u></b>	<b><u>350.523.774.208</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<sup>(i)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 262/KH/115NH ngày 01 tháng 12 năm 2015 và bản sửa đổi số 01/CV-0262/KH/15NH ngày 01 tháng 12 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND.
- Thời gian vay : tối đa 06 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

<sup>(ii)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 15.2120042/HĐHMTD ngày 17 tháng 9 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND.
- Thời gian vay : tối đa 04 tháng (theo từng giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	971.480.383	2.231.630.962	(371.600.000)	2.831.511.345
Quỹ phúc lợi	2.623.516.891	1.115.815.481	(46.190.000)	3.693.142.372
<b>Cộng</b>	<b>3.594.997.274</b>	<b>3.347.446.443</b>	<b>(417.790.000)</b>	<b>6.524.653.717</b>

#### 19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	12.180.897.222
Tăng do trích lập	5.779.776.490
Hoàn nhập	(1.021.621.573)
Số cuối kỳ	16.939.052.139

#### 20. Vốn chủ sở hữu

##### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

##### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	209.731.210.000	123.371.300.000
Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP	88.770.980.000	51.246.520.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.161.130.000	15.184.180.000
<b>Cộng</b>	<b>322.663.320.000</b>	<b>189.802.000.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	209.731.210.000	65,00	209.731.160.000
Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP	88.770.980.000	27,51	87.119.100.000
Các cổ đông khác	24.161.130.000	7,49	25.813.060.000
<b>Cộng</b>	<b>322.663.320.000</b>	<b>100,00</b>	<b>322.663.320.000</b>

### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.266.332	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.266.332	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	32.266.332	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.266.332	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	32.266.332	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.806.870.776	1.593.382.672
Doanh thu bán thành phẩm	1.019.405.243.405	904.689.764.806
<b>Cộng</b>	<b><u>1.021.212.114.181</u></b>	<b><u>906.283.147.478</u></b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	16.560.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido	11.764.743.000	7.498.955.350
Công ty TNHH TM&DV Ki Do	3.973.408.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.754.711.000</u></b>	<b><u>7.498.955.350</u></b>

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	14.369.380.881	285.607.644
Hàng bán bị trả lại	8.506.543.820	299.670.478
Giảm giá	450.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>22.876.374.701</u></b>	<b><u>585.278.122</u></b>

#### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.806.476.532	18.695.191.004
Giá vốn của thành phẩm đã bán	842.602.391.808	805.829.207.549
Giá vốn hàng khuyến mại	48.364.122.581	-
Khác	69.884.788	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.427.669.212	8.136.533.468
<b>Cộng</b>	<b><u>894.270.544.921</u></b>	<b><u>832.660.932.021</u></b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.496.681.612	6.908.174.633
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	192.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán VPK	-	2.016.000.000
Lãi trái phiếu	3.033.333.332	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	72.915.815	162.232.324
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.583.075	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.605.513.834</u></b>	<b><u>9.278.406.957</u></b>

#### 5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.514.290.951	4.441.927.842

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	95.486.195	141.974.539
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	2.373.949
<b>Cộng</b>	<b><u>3.609.777.146</u></b>	<b><u>4.586.276.330</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	42.560.956.642	7.883.652.273
Chi phí vật liệu, bao bì	1.099.141.086	501.812.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	492.592.427	144.953.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.636.056.273	13.698.885.395
Các chi phí khác	13.238.236.006	22.111.308.904
<b>Cộng</b>	<b><u>75.026.982.434</u></b>	<b><u>44.340.612.981</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.250.573.333	6.734.375.099
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	323.409.956	420.821.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	254.980.192	232.752.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.186.436.980	1.388.357.490
Các chi phí khác	1.072.849.724	3.825.045.712
<b>Cộng</b>	<b><u>7.088.250.185</u></b>	<b><u>12.601.352.467</u></b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhập xử lý nguyên liệu, hàng hoá thừa	399.597.469	430.974.364
Thu bảo hiểm bồi thường	192.244.931	-
Thu bồi thường hợp đồng	36.776.633	11.542.500
Thu nhập khác	486.810	14.138.807
<b>Cộng</b>	<b><u>629.105.843</u></b>	<b><u>456.655.671</u></b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
GTCL của tài sản thanh lý	6.339.284	66.500
<b>Cộng</b>	<b><u>6.339.284</u></b>	<b><u>66.500</u></b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.568.465.187	21.243.691.685
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.779.776.490	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.744.802.057)	(303.031.070)
Thu nhập chịu thuế	22.603.439.620	20.940.660.615
Thu nhập được miễn thuế	-	(192.000.000)
Thu nhập tính thuế	22.603.439.620	20.748.660.615
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>4.520.687.924</b>	<b>4.149.732.123</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung 2016</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.520.687.924</b>	<b>4.149.732.123</b>
<b>11. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
		<b>Năm nay</b>
Chênh lệch tạm thời tính thuế cuối kỳ		(5.779.776.490)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		(1.155.955.298)
Hoàn nhập thuế hoãn lại các năm trước		1.457.413.257
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ</b>		<b>301.457.959</b>
<b>12. Lãi trên cổ phiếu</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.746.319.304	17.034.549.332
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.746.319.304	17.034.549.332
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	32.266.332	18.980.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>581</b>	<b>897</b>
<b>13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	812.092.240.992	834.932.089.365
Chi phí nhân công	65.040.855.097	30.876.998.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.815.623.790	8.843.637.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.710.776.225	23.913.386.407
Chi phí khác	14.865.298.291	26.049.805.525
<b>Cộng</b>	<b>925.524.794.395</b>	<b>924.615.916.926</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

- Trong kỳ công ty tạm nhận tiền mua cổ phần của các thành viên quản lý chủ chốt trong đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động.

- Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	Công ty mẹ
Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP	Công ty thuộc Tập đoàn Kido
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh Kido	Công ty thuộc Tập đoàn Kido
Công ty TNHH TM&DV Ki Do	Công ty thuộc Tập đoàn Kido
Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	Công ty thuộc Tập đoàn Kido
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Công ty có cùng TV HĐQT với TAC

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VI.1b và V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

<u>Công nợ phải trả</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido</b>		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	1.428.631.363	-
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP</b>		
<i>Chia cổ tức</i>	-	11.615.880.000
<i>Bán cổ phiếu VPK</i>	-	3.840.000.000
<i>Mua nguyên liệu</i>	483.068.135.270	624.062.604.450
<b>Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật</b>		
<i>Mua bao bì, chi phí gia công phải trả</i>	1.101.569.873	1.842.554.170

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất dầu thực vật các loại và phần lớn hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.


TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	189.802.000.000	120.523.149.443	18.980.200.000	118.351.799.892	447.657.149.335
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	66.948.928.851	66.948.928.851
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	6.973.996.984	-	(12.408.995.476)	(5.434.998.492)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(22.776.240.000)	(22.776.240.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>127.497.146.427</b>	<b>18.980.200.000</b>	<b>150.115.493.267</b>	<b>486.394.839.694</b>
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	127.497.146.427	18.980.200.000	150.115.493.267	486.394.839.694
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	50.519.841.694	50.519.841.694
Trích lập các quỹ	-	6.694.892.885	-	(10.042.339.328)	(3.347.446.443)
Tăng vốn từ Quỹ ĐTTPT & Quỹ khác	132.861.320.000	(113.881.120.000)	(18.980.200.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	(54.207.437.760)	(54.207.437.760)
Chi thường Ban điều hành, HĐQT	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>322.663.320.000</b>	<b>20.310.919.312</b>	<b>-</b>	<b>136.385.557.873</b>	<b>479.359.797.185</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2017



*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc